

Phụ lục VI

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ

ĐO LƯỜNG SỰ HÀI LÒNG CẤP XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)

STT	Đơn vị	Chỉ số MĐHL (%)
1	Xã Phú Tân	99,82
2	Xã Núi Cấm	99,79
3	Xã Cô Tô	99,74
4	Xã Vân Khánh	99,66
5	Xã Bình Giang	99,57
6	Xã Long Phú	99,49
7	Xã Phú An	99,39
8	Phường Chi Lăng	99,33
9	Xã Tịnh Biên	99,25
10	Phường Thới Sơn	98,38
11	Xã Óc Eo	98,30
12	Xã Bình Sơn	97,88
13	Xã Đông Thái	97,52
14	Xã Định Hòa	96,78
15	Xã Bình An	96,10
16	Xã Hòn Nghệ	95,09
17	Xã Long Điền	94,46
18	Xã Bình Mỹ	94,19
19	Xã Vĩnh Hòa Hưng	93,49
20	Xã Vĩnh Hòa	93,48
21	Xã Định Mỹ	93,16
22	Xã Phú Hòa	92,92
23	Xã U Minh Thượng	92,39
24	Xã Hòa Hưng	92,00
25	Xã Ô Lâm	91,79
26	Xã Vĩnh Phong	91,41
27	Xã Vĩnh Xương	91,25
28	Xã Vĩnh Tuy	91,10
29	Xã Châu Phú	90,84

30	Xã Nhơn Hội	90,10
31	Xã Hội An	89,78
32	Xã Chợ Mới	89,45
33	Xã Tân Hiệp	89,44
34	Xã Tây Phú	88,95
35	Xã Tây Yên	88,58
36	Xã Vĩnh Điều	88,55
37	Xã An Cư	87,59
38	Xã Giang Thành	87,52
39	Xã Tân An	87,52
40	Xã Tân Châu	87,52
41	Xã Tiên Hải	87,32
42	Xã Vĩnh Thuận	87,18
43	Xã Chợ Vàm	86,74
44	Xã An Phú	86,60
45	Xã Ngọc Chúc	85,67
46	Xã Cù Lao Giêng	85,64
47	Xã Cần Đăng	85,56
48	Xã Khánh Bình	85,19
49	Xã Mỹ Hòa Hưng	85,09
50	Xã Vĩnh Tế	84,82
51	Xã Vĩnh Trạch	84,68
52	Xã Vĩnh Hậu	84,62
53	Xã Bình Hòa	84,57
54	Phường Vĩnh Thông	84,55
55	ĐK Phú Quốc	84,40
56	Xã Rồng Riêng	84,21
57	Xã Gò Quao	84,10
58	ĐK Kiên Hải	82,53
59	Xã Tân Hội	82,50
60	Xã Tri Tôn	82,46
61	Xã Đông Hòa	82,43
62	Xã Vĩnh Bình	82,36
63	Xã Hòa Lạc	81,78
64	Xã An Châu	81,37
65	Xã An Minh	81,30

66	Xã Sơn Hải	81,28
67	Xã Hòa Điền	81,28
68	Xã Phú Hữu	81,26
69	Xã Thạnh Mỹ Tây	81,15
70	Xã Thoại Sơn	81,07
71	Xã Kiên Lương	81,07
72	Xã An Biên	80,92
73	Phường Tô Châu	80,89
74	Xã Nhơn Mỹ	80,82
75	Xã Châu Thành	80,81
76	Phường Hà Tiên	80,65
77	Xã Long Kiến	80,62
78	Xã Phú Lâm	80,55
79	Xã Long Thạnh	80,51
80	Xã Hòa Thuận	80,45
81	Xã Sơn Kiên	80,21
82	Xã Tân Thạnh	80,10
83	Xã Vĩnh Gia	78,87
84	Xã Ba Chúc	78,50
85	Xã Bình Thạnh Đông	78,09
86	Xã Mỹ Thuận	77,95
87	Phường Mỹ Thới	77,88
88	Xã Vĩnh An	77,82
89	Xã Thạnh Hưng	77,82
90	Xã Vĩnh Thạnh Trung	77,44
91	Xã Bình Đức	77,32
92	Xã Thạnh Đông	76,51
93	Phường Long Xuyên	76,49
94	ĐK Thổ Châu	75,05
95	Xã Hòn Đất	74,87
96	Xã Mỹ Đức	74,44
97	Xã Châu Phong	74,10
98	Xã Thạnh Lộc	73,62
99	Phường Rạch Giá	73,02
100	Xã Đông Hưng	69,61
101	Phường Châu Đốc	63,08

102	Xã Vĩnh Hanh	52,82
-----	--------------	-------